

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2025
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Võ Thành Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2024/TLST - DS ngày 12/11/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 61/2025/QĐXXST - DS ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp Ông Hiếu, xã Thạnh Phước, tỉnh Tây Ninh

2. Bị đơn: Ông Trần Nhật L, sinh năm 1995 và bà Đoàn Thị Hồng V, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp Cả Cỏ, xã Thạnh Phước, tỉnh Tây Ninh

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện cũng như lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Gi trình bày: Bà V, ông L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào ngày 21/12/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2015). Tuy nhiên, bà V và ông L đã ly hôn theo Bản án số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 02/5/2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa. Tại bản án ghi nhận về tài sản và nợ thì bà V không yêu cầu giải quyết, ông L không có ý kiến trình bày nên không đề cập trong vụ án này.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông L và bà V có vay của ông Gi số tiền 100.000.000 đồng với mục đích là để đáo hạn ngân hàng. Khi vay, hai bên có lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền đề ngày 12/5/2023 thống nhất số tiền vay này, thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và không ghi nhận mức lãi suất. Bà V, ông L có ký tên, ghi rõ họ tên và điểm chỉ vào hợp đồng xác nhận.

Đến thời hạn trả nợ thì ông bà không trả, trốn tránh dù ông Gi đã nhiều lần yêu cầu. Đồng thời từ khi vay cho đến nay thì ông L, bà V không trả số tiền gốc, lãi cho ông Gi.

Nay, ông Gi khởi kiện yêu cầu ông L, bà V liên đới trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là từ ngày quá hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Nhật L và bà Đoàn Thị Hồng V vắng mặt không lý do nên không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành tốt nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi nghị án.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại

xã Thanh Phước nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn ông Trần Nhật Linh và bà Đoàn Thị Hồng V: Ông L và bà V vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ thủ tục tố tụng cho ông L và bà V nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà V.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn văn Gi khởi kiện yêu cầu ông Trần Nhựt L và bà Đoàn Thị Hồng V phải trả nợ gốc là 100.000.000đ và yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày quá hạn đến khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 12/5/2023, nội dung thể hiện ông L và bà V có ký và lặn tay vào hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng và thời hạn trả tiền là 01 tháng (tức là ngày 12/6/2023), mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Trong suốt quá trình tố tụng vụ án, ông L và bà V đã không đến Tòa mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, đồng thời ông L và Hồng Vân cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Gi. Ông L và bà Hồng Vân là vợ chồng mặc dù đã ly hôn (Bản án số 17/2024/HNGĐ-ST ngày 02/5/2024) nhưng khoản nợ này được ký vào ngày 12/5/2023 là trong thời kỳ hôn nhân và tại bản án ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa không giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung do các đương sự không có yêu cầu. Do đó căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và không có lãi suất và đây là nợ chung của vợ chồng bị đơn, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nên căn cứ vào Điều 470 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận số tiền bị đơn nợ của nguyên đơn là 100.000.000đ.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng làm tròn tháng. Xét thấy, căn cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự nên yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Cụ thể:

Số tiền vay: 100.000.000đ, ngày quá hạn là 13/6/2023 đến ngày xét xử là 24/7/2025 tính làm tròn tháng là 25 tháng: $100.000.000đ \times 25 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 20.750.000đ$.

Từ những nhận định trên, Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Nhựt L và bà Đoàn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho

ông Nguyễn văn Gi số tiền nợ vay gốc và lãi là: $100.000.000đ + 20.750.000đ = 120.750.000đ$

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bị đơn ông Trần Nhật Linh và bà Đoàn Thị Hồng V có nghĩa vụ phải chịu 6.037.500đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn văn Gi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Gi 2.782.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003512 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 470, 468 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn văn Gi đối với ông Trần Nhật Linh, bà Đoàn Thị Hồng V.

Buộc ông Trần Nhật Linh, bà Đoàn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn văn Gi số tiền gốc là 100.000.000đ và lãi là 20.750.000đ. Tổng cộng: 120.750.000đ (Một trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) phát sinh từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Trần Nhật Linh, bà Đoàn Thị Hồng V phải chịu 6.037.500đ (Sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân

sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn văn Gi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Gi 2.782.000đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003512 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2- Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương